

Bản án số: 233/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Ông Đỗ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2023/QĐ-ST ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 08/7/1990 (vắng mặt)

Thường trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Số 225 đường N, khu H, thành phố T, Đài Loan.

Anh L ủy quyền cho anh Vy Thành C, sinh năm 1993; Địa chỉ: khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng S giao nhận tài liệu với Tòa án (văn bản ủy quyền ngày 04/8/2023, không triệu tập).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 10/4/1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai (có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc ngày 04/8/2023), nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị S được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T,

tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh đi lao động tại nước ngoài từ năm 2018, kể từ đó vợ chồng sống ly thân nhau đã nhiều năm. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 27/4/2013 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 09/02/2017. Hiện nay cháu C, cháu T đang sinh sống cùng chị S. Sau khi ly hôn, anh đề nghị giao 02 con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh L trình bày: Hiện nay anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, do yêu cầu công việc và đi lại khó khăn nên anh không thể về Việt Nam trong thời gian Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh được nên anh đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án bao gồm cả phiên họp, các buổi hòa giải, các buổi làm việc và anh ủy quyền cho anh Vy Thành C, sinh năm 1993; Địa chỉ: khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giao nhận tài liệu với Tòa án, nộp án phí.

Tại bản tự khai ngày 30/8/2023 bị đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 08/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2018 anh L sang Đài Loan lao động. Thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, chị cùng các con chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trong thời gian mâu thuẫn, vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12/2019 đến nay chị và anh L không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung và nuôi con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 27/4/2013 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 09/02/2017. Hiện cháu C, cháu T đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao hai con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị trình bày: Do bận công việc nên chị đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tất cả các phiên tòa xét xử

Cháu Nguyễn Quỳnh C trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng mẹ, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa, anh L, chị S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh L, chị S và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L xin xét xử vắng mặt, bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: Do anh L đang lao động tại nước ngoài nên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được nên đề nghị Tòa án giao 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, Nguyễn Xuân T cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn L khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị S và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh L là nguyên đơn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, chị S là bị đơn có địa chỉ tại: thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc

Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị S đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị S.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh L, Hội đồng xét xử thấy: Tại bản tự khai anh L, chị S đều xác định vợ chồng được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân và chung sống hòa thuận một thời gian. Do anh L đi lao động nước ngoài, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện nay mỗi người sống một nơi, xa cách, không còn liên lạc, quan tâm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Đến nay anh L, chị S đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn muốn chung sống cùng nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh L, chị S không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L với chị S là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Anh L, chị S có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 27/4/2013 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 09/02/2017. Hiện nay cháu C, cháu T đang sinh sống cùng chị S. Sau ly hôn, anh L yêu cầu giao cháu C, cháu T cho chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị S đồng ý nuôi hai con chung, cháu C trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của anh L, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi anh L đi lao động nước ngoài, cháu C, cháu T vẫn sinh sống cùng chị S, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Anh L hiện đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Ngoài ra, anh L, chị S đều trình bày thống nhất giao cháu C, cháu T cho chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu giao cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 27/4/2013 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 09/02/2017 cho chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu C và cháu T cũng như nguyện vọng của cháu C và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

T hợp anh L có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh L, chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh L, chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, anh L đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, chị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 27/4/2013 và Nguyễn Xuân T, sinh ngày 09/02/2017 cho chị Nguyễn Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh Nguyễn Văn L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000181 ngày 30/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

